

**TOÀ ÁN NHÂN D
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân D:

Ông Lê Văn Rễn;

Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quê Anh – Thư ký Tòa án nhân D huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Ngọc Kiều Tranh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2023/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số 04, ấp Long Thịnh, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; *có đơn xét xử vắng mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Văn V, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 04, ấp Long Thịnh, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; *có đơn xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-5-2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông V trên cơ sở tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã

Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào cùng năm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V thường xuyên đi ăn nhậu, không quan tâm đến gia đình, vợ con, có vài lần ông V chửi mắng, đánh đập bà L. Vợ chồng gây gỗ, cãi vã và ly thân từ tháng 01-2013 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn ông V.

Về con chung: Bà L và ông V có 02 người con chung tên Đặng Thị Thu P, sinh ngày: 21/8/2010 và Đặng Văn D, sinh ngày: 10/3/2013. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung. Không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà L cam kết vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Văn V đã khai: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân và về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu do ông uống rượu, thường xuyên gây gỗ với bà L, có lúc ông cũng đã đánh bà L. Ông thừa nhận kinh tế chính trong gia đình do bà L gánh vác, ông đi làm thuê nên không có thu nhập ổn định. Vợ chồng hiện tại vẫn sống chung nhà nhưng không có quan tâm gì đến nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay. Ông đã biết sai xin bà L được hàn gắn, để tiếp tục chung sống. Ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: ông V thống nhất với lời trình bày của bà L. Ông không có yêu cầu gì khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông V trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng D sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng D sự xét xử vắng mặt tất cả nguyên đơn và bị đơn là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L đối với ông Đặng Văn V.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: bà L, ông V thống nhất trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn V, ông V có địa chỉ cư trú tại: ấp Long Thịnh, xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Bến Cầu theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng D sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L và ông V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng D sự xét xử vắng mặt bà L và ông V là đúng theo quy định.

[2] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn V đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Khánh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31/2011 ngày 02 tháng 6 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống bà L và ông V đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hòa giải, hàn gắn. Bà L và ông V tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, hai người sống ly thân với nhau thời gian đã lâu. Ông V không quan tâm, chăm lo cho gia đình, không lo làm ăn kiếm tiền phụ bà L chăm lo cho gia đình ông V còn thường xuyên đi uống rượu về nhà chửi mắng, đánh đập bà L. Ông V cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn như bà L trình bày. Tuy nhiên, ông V xin bà L cho ông thêm cơ hội để sửa chữa bản thân, ông không đồng ý ly hôn với bà L. Trong quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho bà L và ông V hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà L cương quyết xin ly hôn còn ông V thì mong muốn được hòa giải hàn gắn nhưng không đến tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không mong muốn, không có thiện chí được hàn gắn, hòa giải để đoàn tụ, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông V là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: bà L đối với ông V thống nhất có hai con chung tên Đặng Thị Thu P, sinh ngày: 21/8/2010 và Đặng Văn D, sinh ngày: 10/3/2013. Bà L và ông V thống nhất giao 02 cháu P, D cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc thống nhất ý kiến của bà L và ông V là tự nguyện, đảm bảo các điều kiện chăm sóc cho con, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P, cháu D. Do đó, giao 02 cháu Đặng Thị Thu P và Đặng Văn D cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui

định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Văn V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà L và ông V thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, ông Đặng Văn V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Đặng Văn V. Bà L được ly hôn với ông V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đặng Thị Thu P, sinh ngày: 21/8/2010 và Đặng Văn D, sinh ngày: 10/3/2013 cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Đặng Văn V được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông V thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông V thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0023126 ngày 22-6-2023 của Chi cục Thi hành án D sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Ông Đặng Văn V không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị L và ông Đặng Văn V có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân D tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án D sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Long Khánh (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm